



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 30/06/2019 là 100 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 17 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|--|
| • Ông Đinh Gia Lê | Chủ tịch | Bỏ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| • Bà Trần Thị Kim Nhung | Chủ tịch | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017
Miễn nhiệm ngày 26/04/2019 |
| • Ông Lê Huy | Phó Chủ tịch | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Ông Phạm Vĩnh Thái | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/04/2019 |
| • Ông Trần Lê Quang | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017
Miễn nhiệm ngày 26/04/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh | Ủy viên | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 20/09/2018 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm ngày 20/09/2018 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 925/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 06/08/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426.169.592.283	315.883.963.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.405.301.743	84.714.544.731
1. Tiền	111		28.405.301.743	29.577.421.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	55.137.123.288
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.357.907.290	58.111.708.728
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.954.475.567	57.575.456.777
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.108.160.669	1.208.784.508
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	2.388.888.612	936.271.162
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.093.617.558)	(1.608.803.719)
IV. Hàng tồn kho	140	10	185.957.454.607	168.928.622.509
1. Hàng tồn kho	141		191.520.689.611	173.791.355.261
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.563.235.004)	(4.862.732.752)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.448.928.643	4.129.087.638
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	4.231.518.273	3.667.249.717
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	12	95.882.201	461.837.921
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	121.528.169	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.235.544.988	57.002.423.716
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.394.449.898	22.342.369.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.394.449.898	22.342.369.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		854.546.539	1.378.667.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	854.546.539	1.378.667.374
- Nguyên giá	222		9.520.286.485	9.520.286.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.665.739.946)	(8.141.619.111)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	1.060.044.546	412.608.182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.060.044.546	412.608.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	9.904.565.227	11.563.615.004
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.544.300.000	18.544.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.639.734.773)	(6.980.684.996)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.021.938.778	21.305.163.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	27.021.938.778	21.305.163.258
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		487.405.137.271	372.886.387.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		249.435.865.262	151.456.417.814
I. Nợ ngắn hạn	310		249.435.865.262	151.456.417.814
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	122.993.827.397	58.954.860.933
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	6.372.584.081	1.764.107.220
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	7.878.743.114	600.985.501
4. Phải trả người lao động	314		11.769.093.949	6.040.586.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	36.423.047.834	259.886.293
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	301.062.530	316.865.845
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	58.551.391.908	76.851.244.674
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.146.114.449	6.667.881.102
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.969.272.009	221.429.969.508
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	237.969.272.009	221.429.969.508
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	103.615.017.025	103.615.017.025
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	32.539.302.501	16.000.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.539.302.501	16.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		487.405.137.271	372.886.387.322



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	409.971.606.508	318.836.779.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.962.736.574	4.949.437.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		406.008.869.934	313.887.341.850
4. Giá vốn hàng bán	11	24	293.552.651.382	221.069.426.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		112.456.218.552	92.817.915.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.878.034.800	1.582.092.074
7. Chi phí tài chính	22	26	5.443.771.567	3.689.526.929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	2.929.483.006	1.474.503.578
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	43.262.580.134	32.958.861.107
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	23.443.553.568	20.528.889.432
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.184.348.083	37.222.729.882
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	28	164.331.018	651.639.340
13. Lợi nhuận khác	40		(164.331.018)	(651.639.340)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.020.017.065	36.571.090.542
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	9.480.714.564	8.038.614.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		32.539.302.501	28.532.475.686
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.701	2.425
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.701	2.425



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	292.238.328.005	239.249.352.599
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(260.966.297.013)	(206.536.803.499)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.325.167.629)	(10.651.953.493)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(3.064.460.049)	(1.537.704.634)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.104.907.473)	(3.134.974.717)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.381.877.151	5.113.553.812
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.475.883.389)	(11.069.890.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.683.489.603	11.431.579.527
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(647.436.364)	(620.765.454)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	590.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	954.556.539	1.366.167.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	307.120.175	1.336.311.130
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	119.436.614.805	74.137.619.986
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(137.736.467.571)	(112.439.763.944)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.299.852.766)	(56.302.143.958)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26.309.242.988)	(43.534.253.301)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	84.714.544.731	92.588.709.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.405.301.743	49.054.455.835



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, thiết bị dụng cụ quản lý và phương tiện vận tải. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	506.505.989	82.539.972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.898.795.754	29.494.881.471
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	30.000.000.000	55.137.123.288
Cộng	58.405.301.743	84.714.544.731

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	23.468.874.762	2.979.247.261
Công ty CP Học liệu	-	5.486.553.093
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Lắk	11.225.724.485	388.603.172
Nhà sách Anh Thư	10.412.300.844	1.614.729.004
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	20.866.460.855	31.917.096
Các đối tượng khác	109.981.114.621	47.074.407.151
Cộng	175.954.475.567	57.575.456.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	958.789.140	960.589.140
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	-	450.574.807
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	3.583.029.250	3.675.600
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	7.074.398.050	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	2.489.062.488	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	684.938.728	451.506.928
Công ty CP Kỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	201.165.453	201.165.453
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	3.611.361	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	-	5.486.553.093
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	20.866.460.855	31.917.096
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	621.134.097	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	41.828.048	259.635.508
Cộng		36.520.806.109	7.845.617.625

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Viettravel	1.006.369.500	-
Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM	278.300.600	-
Nhà máy in Bộ Tổng tham mưu	-	643.434.000
Phải trả cho các đối tượng khác	823.490.569	565.350.508
Cộng	2.108.160.669	1.208.784.508

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	-	-	361.191.090	-
Tạm ứng	944.430.279	-	40.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	507.375.000	-	521.475.000	-
Lãi dự thu	937.083.333	-	13.605.072	-
Cộng	2.388.888.612	-	936.271.162	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	172.080.000	120.000.000
Cộng	22.394.449.898	22.342.369.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.135.759.091	413.546.190
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	638.616.545	383.301.294
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	503.239.240	35.395.845
- Từ 3 năm trở lên	816.002.683	776.560.390
Cộng	3.093.617.558	1.608.803.719

10. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.906.576.413	-	52.857.201.837	-
Chi phí SX, KD dở dang	15.265.968.050	-	15.085.094.652	-
Thành phẩm	68.582.150.297	3.931.565.736	42.556.194.978	1.350.709.776
Hàng hóa	66.765.994.851	1.631.669.268	63.292.863.794	3.512.022.976
Cộng	191.520.689.611	5.563.235.004	173.791.355.261	4.862.732.752

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2019 là 5.563.235.004 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	1.650.891.619	1.504.880.247
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách hỗ trợ	2.580.626.654	2.162.369.470
Cộng	<u>4.231.518.273</u>	<u>3.667.249.717</u>

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí tổ chức bán thảo	37.269.000	44.640.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	7.029.666.667	7.519.266.667
Chi phí thuê đất (*)	19.955.003.111	13.741.256.591
Cộng	<u>27.021.938.778</u>	<u>21.305.163.258</u>

(*) Xem thuyết minh số 35.

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp			Số phải thu/ Còn được khấu trừ	Số phải nộp
Thuế GTGT	461.837.921	-	1.126.586.987	760.631.267	95.882.201	-
Thuế TNDN	-	502.936.023	9.480.714.564	2.104.907.473	-	7.878.743.114
Thuế TNCN	-	98.049.478	954.065.551	1.173.643.198	121.528.169	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	<u>461.837.921</u>	<u>600.985.501</u>	<u>11.564.367.102</u>	<u>4.042.181.938</u>	<u>217.410.370</u>	<u>7.878.743.114</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	-	647.275.200	8.543.977.815	329.033.470	9.520.286.485
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	647.275.200	8.543.977.815	329.033.470	9.520.286.485
Khấu hao					
Số đầu kỳ	-	647.275.200	7.165.310.441	329.033.470	8.141.619.111
Khấu hao trong kỳ	-	-	524.120.835	-	524.120.835
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	647.275.200	7.689.431.276	329.033.470	8.665.739.946
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	-	1.378.667.374	-	1.378.667.374
Số cuối kỳ	-	-	854.546.539	-	854.546.539

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 4.140.362.353 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2019.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019	01/01/2019
Công trình kho Tân Phú Trung	1.060.044.546	412.608.182
Cộng	1.060.044.546	412.608.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2019			01/01/2019			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	5,52%	5,52%	6.000.000.000	955.454.773	6.000.000.000	659.744.996
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Đang hoạt động	11,39%	11,39%	11.774.300.000	7.684.280.000	11.774.300.000	6.320.940.000
Cộng				18.544.300.000	8.639.734.773	18.544.300.000	6.980.684.996

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2019. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.672.100.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	19.854.613.622	21.114.973.124
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	2.954.391.150	7.141.789.650
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	20.647.906.144	8.130.452.520
Phải trả cho các đối tượng khác	58.864.816.481	22.567.645.639
Cộng	122.993.827.397	58.954.860.933

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	20.672.100.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư	20.647.906.144	8.130.452.520
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	1.693.561.670	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư	353.453.960	186.098.160
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	51.879.313
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.904.529.040	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	19.854.613.622	21.114.973.124
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	2.954.391.150	7.141.789.650
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	125.400.000	1.679.884.207
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	1.776.285.340	-
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Tp.HCM	Chung công ty đầu tư	107.970.456	619.249.486
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	4.973.393.651	-
Cộng		75.063.605.033	38.924.326.460

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Khánh Hòa	1.819.495.310	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Trà Vinh	982.484.643	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đồng Nai	1.537.283.286	1.093.883.915
Đối tượng khác	2.033.320.842	670.223.305
Cộng	6.372.584.081	1.764.107.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí lãi vay	95.868.161	230.845.204
Chi phí thuế đất	29.041.089	29.041.089
Chi phí phát triển thị trường	12.043.084.405	-
Chi phí biên tập sách FFSE	6.071.856.450	-
Chi phí phải trả khác	18.183.197.729	-
Cộng	36.423.047.834	259.886.293

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	301.062.530	316.865.845
Cộng	301.062.530	316.865.845

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	76.851.244.674	119.436.614.805	137.736.467.571	58.551.391.908
Ngân hàng HSBC	39.129.837.122	74.861.523.989	87.756.153.402	26.235.207.709
Ngân hàng Standard Chartered	37.721.407.552	29.357.444.474	49.980.314.169	17.098.537.857
Ngân hàng HongLeong Bank	-	15.217.646.342	-	15.217.646.342
Cộng	76.851.244.674	119.436.614.805	137.736.467.571	58.551.391.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	(71.500.000)	88.109.929.887	1.886.452.483	18.000.000.000
Tăng trong năm	-	-	15.505.087.138	-	37.064.808.398
Giảm trong năm	-	-	-	-	39.064.808.398
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	(71.500.000)	103.615.017.025	1.886.452.483	16.000.000.000
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	(71.500.000)	103.615.017.025	1.886.452.483	16.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	32.539.302.501
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	16.000.000.000
Số dư tại 30/06/2019	100.000.000.000	(71.500.000)	103.615.017.025	1.886.452.483	32.539.302.501

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	16.000.000.000	18.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	32.539.302.501	37.064.808.398
Phân phối lợi nhuận	16.000.000.000	39.064.808.398
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	16.000.000.000	18.000.000.000
- Chia cổ tức cho cổ đông	16.000.000.000	18.000.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	21.064.808.398
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	15.505.087.138
- Trích khen thưởng phúc lợi	-	3.706.480.840
- Trích quỹ thù lao, khen thưởng Ban điều hành	-	1.853.240.420
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.539.302.501	16.000.000.000

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết số 21/NQ-SEDIDCO ngày 16/04/2018 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 20/NQ-ĐHCĐ-SED ngày 26/04/2019.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	229.215.931.093	174.605.414.310
Doanh thu sách tham khảo	134.700.180.170	106.471.134.696
Doanh thu khác	46.055.495.245	37.760.230.716
Cộng	409.971.606.508	318.836.779.722

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hàng bán bị trả lại	3.962.736.574	4.949.437.872
Cộng	3.962.736.574	4.949.437.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	164.175.049.148	122.462.699.646
Giá vốn sách tham khảo	83.705.216.755	61.701.137.919
Giá vốn sản phẩm khác	44.971.883.227	37.363.117.936
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	700.502.252	(457.528.927)
Cộng	293.552.651.382	221.069.426.574

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi	1.878.034.800	1.489.692.074
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	92.400.000
Cộng	1.878.034.800	1.582.092.074

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí lãi vay	2.929.483.006	1.474.503.578
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	855.238.784	1.231.896.925
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.659.049.777	983.126.426
Cộng	5.443.771.567	3.689.526.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí vận chuyển	3.737.666.510	2.739.675.582
Tiền lương và các khoản trích theo lương	13.801.975.853	11.212.629.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.400.420	930.913.440
Chi phí phát triển thị trường	12.864.704.305	9.182.673.170
Chi phí tập huấn	6.101.874.571	3.197.571.140
Các khoản khác	6.602.958.475	5.695.398.689
Cộng	43.262.580.134	32.958.861.107

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương và các khoản trích theo lương	10.551.135.440	8.403.388.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.720.415	678.074.690
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.484.813.839	754.260.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.177.460.004	4.401.933.765
Các khoản khác	5.859.423.870	6.291.232.218
Cộng	23.443.553.568	20.528.889.432

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Các khoản bị phạt thuế	164.331.018	102.895.494
Lỗ do thanh lý TSCĐ	-	548.743.846
Cộng	164.331.018	651.639.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.020.017.065	36.571.090.542
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.068.672.546	1.426.607.176
Điều chỉnh tăng	2.068.672.546	1.519.007.176
- Chi phí không hợp lệ	1.858.876.363	1.265.250.000
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	45.465.165	150.861.682
- Chi phí phạt thuế	164.331.018	102.895.494
Điều chỉnh giảm	-	92.400.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	44.088.689.611	37.997.697.718
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.480.714.564	8.038.614.856
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	8.817.737.922	7.599.539.543
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	662.976.642	439.075.313

30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.539.302.501	28.532.475.686
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(5.531.681.425)	(4.279.871.353)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	5.531.681.425	4.279.871.353
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.007.621.076	24.252.604.333
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	2.701	2.425

(*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích kế hoạch quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.003.654.757	105.097.997.440
Chi phí nhân công	115.841.409.749	89.602.220.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	524.120.835	1.608.988.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.753.327.216	44.828.346.534
Chi phí khác bằng tiền	12.462.382.345	12.103.497.565
Cộng	331.584.894.902	253.241.050.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	122.993.827.397	-	122.993.827.397
Chi phí phải trả	36.423.047.834	-	36.423.047.834
Vay và nợ thuê tài chính	58.551.391.908	-	58.551.391.908
Cộng	217.968.267.139	-	217.968.267.139

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	58.954.860.933	-	58.954.860.933
Chi phí phải trả	259.886.293	-	259.886.293
Vay và nợ thuê tài chính	76.851.244.674	-	76.851.244.674
Cộng	136.065.991.900	-	136.065.991.900

Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.405.301.743	-	58.405.301.743
Đầu tư tài chính	-	9.904.565.227	9.904.565.227
Phải thu khách hàng	172.860.858.009	-	172.860.858.009
Phải thu khác	1.444.458.333	22.394.449.898	23.838.908.231
Cộng	232.710.618.085	32.299.015.125	265.009.633.210

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.714.544.731	-	84.714.544.731
Đầu tư tài chính	-	11.563.615.004	11.563.615.004
Phải thu khách hàng	55.966.653.058	-	55.966.653.058
Phải thu khác	535.080.072	22.342.369.898	22.877.449.970
Cộng	141.216.277.861	33.905.984.902	175.122.262.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	
Bán hàng			
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	6.977.036.360	4.689.142.980
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	8.653.226.685	7.061.930.890
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	42.334.080.700	32.589.052.285
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	10.651.520.150	8.600.794.420
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	6.910.801.863	3.163.232.370
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	233.431.800	147.058.240
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	18.150.000	257.529.600
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	-	17.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	33.000.000	41.080.000
Công ty CP Học liệu	Cung ứng lịch, STK	1.675.873.721	306.270.395
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	173.641.130	327.445.370
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	828.980.450	4.387.891.620
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	4.070.899.657	3.242.442.384
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	20.672.100.000	16.704.446.194
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Mua SGK, STK	-	9.750.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	858.000.000	428.313.506
	Chi phí tổ chức bán thảo	25.095.194.703	20.806.473.412
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK, STK	1.477.046.480	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	139.278.890	7.312.332.730
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK, STK	260.289.044	288.750.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sổ lịch	-	8.018.182
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK, STK	2.079.427.850	512.160.920
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	4.457.807.136	6.169.964.103
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	5.064.756.316	2.886.235.085
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK, STK	2.537.585.040	972.224.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua SGK, STK	3.988.401.500	2.986.750.000
	Chi phí tổ chức bán thảo	-	136.742.636
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	15.648.774.905	3.885.934.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách bổ trợ, STK	-	96.635.816
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách bổ trợ, STK	1.729.274.776	866.892.241
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chi phí in	1.353.382.692	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chi phí phần mềm	-	85.800.000
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc			
	Tiền lương của BTGD	1.469.292.967	906.715.410
	Tiền thưởng của HĐQT	411.111.105	255.555.553
	Tiền thù lao của HĐQT	216.000.000	216.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Cam kết thuê hoạt động

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương